



Menschen & Berufe auf Vietnamesisch



Aussprache anhören

Auf unserer Website findest du kostenlose Sprachaufzeichnungen all dieser Wörter und Redewendungen:

<https://app2brain.com/de/sprachen-lernen/vietnamesisch/menschen-berufe>



Weitere Ressourcen

Außerdem gibt es auf App2Brain.com noch viele weitere kostenlose Infos, Tipps, Videos und Downloads:

<https://app2brain.com/de/sprachen-lernen/>

Menschen

Deutsch	Vietnamesisch
der Mensch / die Person	Loài người Một người
die Menschen / die Leute	Nhiều người Loài người
die Frau	Đàn bà
der Mann	Đàn ông
das Kind	Trẻ em
das Mädchen	Con gái
der Junge	Con trai

Berufe

Deutsch	Vietnamesisch
der Beruf	Nghề
der Angestellter / der Arbeiter	Nhân viên
der Beamter	Thư ký Nhân viên văn phòng
der Kollege	Cộng tác viên
der Pensionär / der Rentner	Nhân viên nghỉ hưu
der Arbeitsloser	Thất nghiệp Người tìm việc
der Doktor	Bác sỹ Tiến sỹ
der Journalist	Nhà báo
der Ingenieur	Kỹ sư
der Chef	Sếp
der Direktor	Giám đốc
der Manager	Quản lý
der Sekretär (m), die Sekretärin (f)	Thư ký



der Fahrer (m), die Fahrerin (f)	Lái xe
der Bauer (m), der Farmer (f)	Nông dân
der Bäcker	Người nướng bánh
der Verkäufer (m), die Verkäuferin (f)	Nhân viên bán hàng (m), Nhân viên bán hàng nữ (f)
der Krankenpfleger (m), die Krankenpflegerin (f)	Y tá
der Polizist (m), die Polizistin (f)	Cảnh sát (m), Cảnh sát nữ (f)
der Koch	Đầu bếp Bếp trưởng
der Lehrer (m), die Lehrerin (f)	Giáo viên (m), Giáo viên nữ (f)
der Schuhmacher	Thợ làm giày
der Uhrmacher	Thợ làm đồng hồ

Arbeit & Bewerbung

Deutsch	Vietnamesisch
arbeiten	Làm việc
die Arbeit	Làm việc công việc
der Arbeitsplatz	Nơi làm việc
der Beruf	Việc làm nghề nghiệp
das Büro	Văn phòng
die Fabrik	Nhà máy
die Baustelle	Công trường xây dựng
das Gehalt	Lương
verdienen	Kiểm tiền
Arbeit suchen	Tìm việc
Arbeit finden	Tìm việc
das Bewerbungsgespräch / das Vorstellungsgespräch	Phỏng vấn việc làm



der Lebenslauf	CV
die Bildung / die Ausbildung	Giáo dục
die Erfahrung	Kinh nghiệm

